

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Phan Thùy Trang, bà Trương Thị Bích Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

A R, sinh năm 1998 tại **huyện A, tỉnh An Giang**, nơi cư trú: **ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Chăm; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Hồi; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Ha L**, sinh năm 1975 và bà **Pha Lây D**, sinh năm 1976, có vợ và 01 người con; tiền án: Ngày 26/5/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc kết án 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 22/10/2022, chấp hành xong; tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2023 cho đến nay, có mặt.

Bị hại:

- **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1996; nơi cư trú: **tổ A, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang**, vắng mặt.

- **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **tổ I, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang**, vắng mặt.

Người làm chứng: **Huỳnh Thiên S**, sinh năm 1968, **Ngô Thị N1**, sinh năm 1966, **Lê Thị S1**, sinh năm 1961 và **Tô Chí L1**, sinh năm 1989, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, sử dụng ma túy, khoảng 13 giờ ngày 25/8/2023, A R đi bộ tìm tài sản lấy trộm, đến khu vực tổ A, khóm C, phường V, thành phố C, thấy xe mô tô biển số 67G1-037.36 của Trần Thị Tuyết N đậu trước nhà Nguyễn Thị S2 (mẹ ruột N), cửa nhà mở, S2 đang ngủ. Quan sát thấy không còn người nào khác, A R1 lên vào nhà lấy chìa khóa, mở công tắc xe của nhưng điều khiển chạy đi, không tìm được nơi bán, A R1 sử dụng xe làm phương tiện đi lại.

Khoảng 13 giờ ngày 28/8/2023, A R điều khiển xe mô tô trên đến khu vực chợ C, tổ I, khóm E, phường C, thành phố C thấy nhà của Trần Thị Thu T không đóng khóa cửa, T đang ngủ trên nền nhà. Quan sát thấy không có người, A R đỗ xe lề đường, lên vào nhà T lấy xô nhựa, bên trong xô có 25.600.000 đồng, điều khiển xe chạy đi. Đến trước Bưu điện thành phố C, A R lấy tiền trong xô nhựa cất giấu vào áo khoác đang mặc, làm rơi 1.100.000 đồng, A R1 không nhặt lại, tiếp tục điều khiển xe chạy thành phố L, tiêu xài, sử dụng ma túy và làm rơi mất thêm tiền, còn lại 10.850.000 đồng. Số tiền 1.100.000 đồng A R làm được Huỳnh Thiên S nhặt được, giao nộp Cơ quan Công an. T đến Cơ quan Công an trình báo. Mời làm việc, A R1 thừa nhận thực hiện hành vi trên, giao nộp xe và số tiền còn lại.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu trắng - đỏ - đen, biển số 67G1-037.36 (đã trao trả cho bị hại Trần Thị Tuyết N); tiền Việt Nam 11.950.000 đồng (đã trao trả cho bị hại Trần Thị Thu T); 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video clip ghi ghi diễn biến A R lấy trộm tài sản của Trần Thị Thu T (lưu hồ sơ vụ án); 01 túi đeo màu đen, có chữ Power off C1, kích thước (25 × 22)cm, bên hông trái có vết rách dài 15cm; 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 áo thun, dài tay, màu trắng; 01 quần jean dài, màu xanh (bàn giao Cơ quan thi hành án dân sự).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 712/KL-ĐG ngày 05/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố C, kết luận:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu trắng - đỏ - đen, biển số 67G1-037.36, trị giá 10.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 156/CT-VKSCĐ-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo A R về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm

g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 46, 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 túi đeo màu đen, có chữ **Power off C1**, kích thước (25 × 22)cm, bên hông trái có vết rách dài 15cm; 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 áo thun, dài tay, màu trắng; 01 quần jean dài, màu xanh; Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video clip ghi ghi diễn biến bị cáo lấy trộm tài sản của bà **T**.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: bị hại, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét, những người này đều đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015..

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, phù hợp biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 25/8/2023, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 mô tô biển số 67G1-037.36 của bà **Trần Thị Tuyết N** và khoảng 13 giờ ngày 28/8/2023, bị cáo trộm cắp số tiền 25.600.000 đồng của bà **Trần Thị Thu T**.

Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn nhanh chóng có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần giá trị tài sản đều trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Ngày 26/5/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc kết án 09 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 22/10/2022, chấp hành xong, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc thành phần lao động, học lực thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, manh động và ý thức xem thường pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cải tạo, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã giao trả tài sản cho các bị hại nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 túi đeo màu đen, 01 nón bảo hiểm màu xám, 01 áo thun, dài tay, màu trắng, 01 quần jean dài, màu xanh không còn giá trị sử dụng nên tịch

thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video clip ghi diễn biến bị cáo lấy trộm tài sản của bà T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo A R phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt A R: 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi đeo màu đen, có chữ Power off C1, kích thước (25 × 22) cm, bên hông trái có vết rách dài 15cm; 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 áo thun, dài tay, màu trắng; 01 quần jean dài, màu xanh .

Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video clip ghi diễn biến A R lấy trộm tài sản của Trần Thị Thu T

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc).

3. Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo A R phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của các bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND thành phố (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam